

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Tuấn Minh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Văn Minh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Dương Bá Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Lê Mạnh Hoàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Hằng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Bà Hoàng Thị Phương Dung	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Bà Hoàng Thanh Mai	Thành viên	
Bà Lê Trần Anh Thư	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Văn Minh Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã nêu tại thuyết minh số VII.1, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Văn Minh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Số: 843/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 11/08/2025, từ trang 05 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B01a - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		566.938.309.450	537.734.045.161
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	151.833.415.869	28.205.454.330
Tiền	111		9.533.415.869	12.392.336.522
Các khoản tương đương tiền	112		142.300.000.000	15.813.117.808
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	357.000.000.000	411.640.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		357.000.000.000	411.640.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.916.709.509	92.157.336.008
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.492.630.325	85.720.140.151
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		564.344.809	202.337.339
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.859.734.375	6.318.269.642
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(83.411.124)
Hàng tồn kho	140	V.6	21.375.471.709	5.351.074.064
Hàng tồn kho	141		21.375.471.709	5.351.074.064
Tài sản ngắn hạn khác	150		812.712.363	380.180.759
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	465.729.719	380.180.759
Thuế GTGT được khấu trừ	152		346.982.644	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		469.534.918.039	469.368.901.342
Tài sản cố định	220		23.236.230.190	23.292.135.284
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	23.024.303.300	23.023.688.394
- Nguyên giá	222		275.390.411.679	296.819.162.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.366.108.379)	(273.795.474.597)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	211.926.890	268.446.890
- Nguyên giá	228		1.340.960.000	1.582.960.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.129.033.110)	(1.314.513.110)
Tài sản dở dang dài hạn	240		517.975.760	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		517.975.760	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	444.721.401.977	444.721.401.977
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		447.305.948.664	447.305.948.664
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		5.766.336.836	5.766.336.836
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.350.883.523)	(8.350.883.523)
Tài sản dài hạn khác	260		1.059.310.112	1.355.364.081
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4	1.059.310.112	1.355.364.081
TỔNG TÀI SẢN	270		1.036.473.227.489	1.007.102.946.503

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		160.648.800.593	145.038.921.629
Nợ ngắn hạn	310		160.648.800.593	144.988.921.629
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	20.179.018.672	36.488.785.626
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	13.783.779.901	2.337.569.619
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	14.358.168.430	4.913.375.845
Phải trả người lao động	314		8.202.007.176	2.183.937.979
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	3.239.949.032	5.074.874.671
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	30.888.674.698	503.245.070
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	67.208.201.000	92.509.236.135
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.789.001.684	977.896.684
Nợ dài hạn	330		-	50.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		-	50.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		875.824.426.896	862.064.024.874
Vốn chủ sở hữu	410	V.15	875.824.426.896	862.064.024.874
Vốn góp của chủ sở hữu	411		599.101.330.000	599.101.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		599.101.330.000	599.101.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.771.566	1.123.771.566
Quỹ đầu tư phát triển	418		168.189.656.117	168.189.656.117
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.409.669.213	93.649.267.191
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		60.944.200.691	39.866.187.984
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		46.465.468.522	53.783.079.207
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.036.473.227.489	1.007.102.946.503

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B02a - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	247.841.791.537	205.142.334.541
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		247.841.791.537	205.142.334.541
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	181.382.321.916	176.082.364.826
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.459.469.621	29.059.969.715
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.980.276.121	7.814.591.992
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.491.954.252	1.771.359.461
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.491.954.252	183.678.207
Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.463.616.359	70.971.823
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.120.253.548	8.833.998.258
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.363.921.583	26.198.232.165
Thu nhập khác	31	VI.8	1.569.004.069	11.850.720
Chi phí khác	32		-	8.494.486
Lợi nhuận khác	40		1.569.004.069	3.356.234
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.932.925.652	26.201.588.399
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	11.467.457.130	5.087.482.209
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.465.468.522	21.114.106.190
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	776	329
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	776	329

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B03a - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		57.932.925.652	26.201.588.399
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.049.790.052	1.694.945.399
Các khoản dự phòng	03		(83.411.124)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.478.557)	(6.393.858)
(Lãi) lỗ hoạt động đầu tư	05		(13.771.695.115)	(7.757.019.956)
Chi phí lãi vay	06		1.491.954.252	183.678.207
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.607.085.160	20.316.798.191
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		55.977.054.979	(148.412.019.377)
Tăng hàng tồn kho	10		(16.024.397.645)	(133.677.660)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.208.124.935	(121.724.015.756)
Giảm chi phí trả trước	12		210.505.009	(511.519.465)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.258.587.144)	(11.330.626)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.282.182.334)	(8.098.966.410)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.500.000.000)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(938.895.000)	(1.950.809.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		80.998.707.960	(260.525.540.847)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.993.884.958)	(197.970.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.500.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(357.000.000.000)	(203.790.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		411.640.000.000	191.686.439.347
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		13.771.695.115	9.681.509.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		67.917.810.157	(2.620.021.376)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		74.100.665.917,00	115.716.224.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(99.401.701.052)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(828.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.301.035.135)	115.715.395.125
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		123.615.482.982	(147.430.167.098)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	28.205.454.330	287.772.136.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.478.557	6.393.858
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	151.833.415.869	140.348.363.177

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Mẫu số B09a - DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000123 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/11/2001 và các lần thay đổi. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827 và hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 18 ngày 14/07/2025. Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 15, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DXP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 18 của Công ty là 599.101.330.000 VND được chia thành 59.910.133 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2025 là 169 người (tại ngày 01/01/2025 là 190 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hóa; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ nâng cẩu hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác – dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 17/10/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các Công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ vốn góp của công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Hà Nội	47,06%	47,06%	Buôn bán nguyên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Hà Nội	39,00%	39,00%	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Các số liệu so sánh này có thể so sánh với số liệu của kỳ kế toán hiện hành.

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2. Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu bằng đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ. Tuy nhiên, tới thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Đối với các tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, c, trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức dự phòng bằng lỗ sau thuế chưa phân phối tại thời điểm trích lập dự phòng nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại bên nhận đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***5. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích dự phòng của bên được đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***14. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được;
- Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***16. Thuế (tiếp)**

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi tùy theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế Việt Nam hiện hành.

17. Các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

18. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hóa tại thành phố Hải Phòng, hoạt động thương mại là hoạt động không thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	42.271.890	69.204.496
Tiền gửi ngân hàng	9.491.143.979	12.323.132.026
Các khoản tương đương tiền (*)	142.300.000.000	15.813.117.808
	151.833.415.869	28.205.454.330

(*) Là các khoản tiền có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4% - 4,6%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	357.000.000.000	357.000.000.000	411.640.000.000	411.640.000.000
	357.000.000.000	357.000.000.000	411.640.000.000	411.640.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4% - 6,32%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025				01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	447.305.948.664		(7.890.544.187)	447.305.948.664		(7.890.544.187)
- Công ty CP Tập đoàn Tratigroup (i)	400.000.000.000	(*)	-	400.000.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (ii)	47.305.948.664	(*)	(7.890.544.187)	47.305.948.664	(*)	(7.890.544.187)
Đầu tư vào đơn vị khác	5.766.336.836	20.445.570.000	(460.339.336)	5.766.336.836	21.026.268.000	(460.339.336)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (iii)	1.203.026.136	17.374.725.000	-	1.203.026.136	18.428.418.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (iv)	1.563.310.700	3.070.845.000	-	1.563.310.700	2.597.850.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng (v)	3.000.000.000	(*)	(460.339.336)	3.000.000.000	(*)	(460.339.336)

(*) Đối với các khoản số (i), (ii) và (v) là các công ty chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Tại ngày 30/06/2025, thông tin về các Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Phòng 1303, tầng 13, toà nhà Tungshing Square, số 02 đường Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Buôn bán nguyên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản	47,06%	47,06%
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Phòng 1502 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam	39,00%	39,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, dịch vụ kho bãi và đại lý hàng hóa	3,525%	3,525%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hóa đa phương thức, dịch vụ hàng hải	0,56%	0,56%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	Tòa nhà MB, số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng, dịch vụ môi giới chứng khoán, quản lý quỹ, kinh doanh địa ốc, bảo hiểm, quản lý nợ và khai thác tài sản	0,002%	0,002%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết, các khoản đầu tư tài chính trong năm:

(i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup với giá trị tại ngày 30/06/2025 là 400.000.000.000 đồng, chiếm 47,06% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao với giá trị tại ngày 30/06/2025 là 47.305.026.136 đồng, chiếm 39,00% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.

(iii) Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với số lượng 224.190 cổ phần, tương đương 1.203.026.136 đồng, chiếm 0,56% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP.

Giá đóng cửa của cổ phiếu DVP tại ngày 30/06/2025 là 77.500 đồng/cổ phần, tại ngày 31/12/2024 là 82.200 đồng/cổ phần.

(iv) Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội với số lượng 119.025 cổ phần, tương đương 1.563.310.700 đồng, chiếm 0,002% vốn điều lệ.

Ngân hàng TMCP Quân Đội hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu MBB.

Giá đóng cửa của cổ phiếu MBB tại ngày 30/06/2025 là 25.800 đồng/cổ phần, tại ngày 31/12/2024 là 25.100 đồng/cổ phần.

(v) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hải Hải Phòng với giá trị tại ngày 30/06/2025 là 3.000.000.000 đồng, tương đương 300.000 cổ phần, chiếm 3,525% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang tạm ngừng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	90.339.837	951.790.500
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng	3.202.073.692	605.977.952
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc	7.699.093.060	7.169.849.173
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao Thông	258.514.528	66.339.464.040
Các đối tượng khác	18.242.609.208	10.653.058.486
	29.492.630.325	85.720.140.151

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.

4. Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	465.729.719	380.180.759
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	140.549.617	136.613.189
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	325.180.102	243.567.570
Dài hạn	1.059.310.112	1.355.364.081
- Chi phí kiểm định, nạo vét	234.579.039	1.277.148.439
- Chi phí trả trước dài hạn khác	824.731.073	78.215.642
	1.525.039.831	1.735.544.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	542.115.671	-	286.445.000	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.600.000	-	16.000.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngắn hạn	5.124.633.158	-	4.990.704.160	-
- Bồi thường phải thu người lao động	-	-	82.317.818	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	672.570.000	-
- Các đối tượng phải thu khác	154.385.546	-	270.232.664	-
	5.859.734.375	-	6.318.269.642	-

6. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng mua đang đi đường	7.534.588	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	4.072.417.343	-	4.092.201.483	-
- Công cụ, dụng cụ	374.151.547	-	674.672.567	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.359.607	-	-	-
- Hàng hóa	16.903.008.624	-	584.200.014	-
	21.375.471.709	-	5.351.074.064	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)				
7. Tài sản cố định hữu hình				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2025	62.221.033.501	9.940.221.561	222.304.557.725	2.353.350.204
Đầu tư XDCB hoàn thành	74.853.000	-	1.919.031.958	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(23.336.704.270)	(85.932.000)
30/06/2025	62.295.886.501	9.940.221.561	200.886.885.413	2.267.418.204
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2025	(62.044.583.478)	(9.940.221.561)	(199.571.501.468)	(2.239.168.090)
Khấu hao trong kỳ	(65.764.369)	-	(1.900.603.561)	(26.902.122)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	23.336.704.270	85.932.000
30/06/2025	(62.110.347.847)	(9.940.221.561)	(178.135.400.759)	(2.180.138.212)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2025	176.450.023	-	22.733.056.257	114.182.114
30/06/2025	185.538.654	-	22.751.484.654	87.279.992

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 236.344.783.321 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 258.329.433.091 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	1.582.960.000	1.582.960.000
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(242.000.000)	(242.000.000)
30/06/2025	1.340.960.000	1.340.960.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	(1.314.513.110)	(1.314.513.110)
Khấu hao trong kỳ	(56.520.000)	(56.520.000)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	242.000.000	242.000.000
30/06/2025	(1.129.033.110)	(1.129.033.110)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	268.446.890	268.446.890
30/06/2025	211.926.890	211.926.890

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 384.840.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 626.840.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu vật tư Giao thông	1.182.221.402	1.182.221.402	20.940.949.581	20.940.949.581
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	2.021.070.960	2.021.070.960	2.495.991.247	2.495.991.247
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	3.639.658.168	3.639.658.168	1.683.307.781	1.683.307.781
Công ty cổ phần VN ASPHALT	301.001.154	301.001.154	1.370.930.000	1.370.930.000
Trafigura PTE Limited	-	-	3.618.021.600	3.618.021.600
Pacific Wells PTE LTD	-	-	3.587.360.400	3.587.360.400
Hiin Asia Pacific PTE LD	9.709.392.000	9.709.392.000	-	-
Các đối tượng khác	3.325.674.988	3.325.674.988	2.792.225.017	2.792.225.017
	20.179.018.672	20.179.018.672	36.488.785.626	36.488.785.626

Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2025		Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ		30/06/2025	
	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ			
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	682.163.474	20.948.927.226	21.631.090.700	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.190.117.467	11.467.457.130	4.282.182.334	11.375.392.263	11.375.392.263	11.375.392.263
Thuế thu nhập cá nhân	41.094.904	714.671.484	672.002.223	83.764.165	83.764.165	83.764.165
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.899.012.002	-	2.899.012.002	2.899.012.002	2.899.012.002
	4.913.375.845	36.030.067.842	26.585.275.257	14.358.168.430	14.358.168.430	14.358.168.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Chi phí phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Chi phí điện, nước, điện thoại	8.743.747	83.624.834
- Lãi vay ngân hàng	64.636.765	72.233.239
- Tiền thù lao Hội đồng quản trị	299.600.000	400.000.000
- Chi phí sửa chữa lớn	425.710.000	-
- Bổ sung thu nhập lương tháng 13	-	4.000.000.000
- Các khoản trích trước khác	2.441.258.520	519.016.598
	3.239.949.032	5.074.874.671

12. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Kinh phí công đoàn	324.997.477	225.385.533
- Bảo hiểm xã hội	295.788.375	-
- Bảo hiểm y tế	52.971.615	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	23.194.300	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	30.034.245.500	79.179.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	157.477.431	198.680.537
	30.888.674.698	503.245.070

(*) Trong đó bao gồm khoản cổ tức phải trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 18/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2025, số tiền: 29.955.066.500 đồng (Xem chi tiết tại Thuyết minh số V.15)

Trong đó, phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.c

13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty TNHH Một thành viên Trường Anh Kon Tum	1.132.450.350	12.450.350
- Công ty TNHH Đầu tư Công trình giao thông Việt Nam	4.580.600.000	-
- Các đối tượng khác	8.070.729.551	2.325.119.269
	13.783.779.901	2.337.569.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	67.208.201.000	67.208.201.000	74.100.665.917	99.401.701.052	92.509.236.135	92.509.236.135
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (1)	21.537.624.900	21.537.624.900	21.537.624.900	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)	24.239.993.500	24.239.993.500	31.132.458.417	6.892.464.917	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Quảng Ninh (3)	21.430.582.600	21.430.582.600	21.430.582.600	92.509.236.135	92.509.236.135	92.509.236.135
Cộng	67.208.201.000	67.208.201.000	74.100.665.917	99.401.701.052	92.509.236.135	92.509.236.135

(1) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/630291/HĐTD ngày 10/09/2024 với hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 300.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức cho vay tối đa là 100.000.000.000 đồng. Trong kỳ, Công ty đã ký kết hạn mức nhận nợ số 405003264695 ngày 29/05/2025 với số tiền vay là 13.701.296.400 đồng với lãi suất cho vay là 5,0%/năm, có định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến ngày 29/10/2025 và kế ước nhận nợ số 403003291845 ngày 20/06/2025 với số tiền vay là 7.836.328.500 đồng với lãi suất cho vay là 5,0%/năm, có định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến ngày 14/11/2025.

Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa đường.

Tài sản bảo đảm là Các tài sản thuộc sở hữu của Công ty và/hoặc bên thứ ba, đáp ứng chính sách tài sản bảo đảm của BIDV tại từng thời điểm, với tỷ lệ tài sản bảo đảm không thấp hơn 40%; đối với tài sản bảo đảm là tiền gửi hoặc giấy tờ có giá, áp dụng tỷ lệ bảo đảm tối thiểu 100%; thu tín dụng (L/C) thực hiện theo đúng quy định hiện hành của BIDV; công ty thế chấp hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho, và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay BIDV làm tài sản bổ sung; trường hợp các tổ chức tín dụng khác đã nhận thế chấp các tài sản nêu trên, BIDV vẫn có quyền nhận thế chấp bổ sung với giá trị tối thiểu tương ứng tỷ lệ cấp tín dụng của BIDV so với các tổ chức tín dụng khác; công ty cam kết không sử dụng hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho, các khoản phải thu và nguồn thu hình thành từ khoản vay của BIDV để thế chấp cho tổ chức hoặc cá nhân khác (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)
- (2) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 118/2024-HĐCVHM/NHCT160-CDX ngày 29/07/2024 với hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số 1260824.24.02 ngày 26/03/2025 với số tiền vay là 9.312.448.000 đồng với lãi suất cho vay là 4,5%/năm, có định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến 26/08/2025 và khế ước nhận nợ số 1260824.24.03 ngày 20/06/2025 với số tiền vay là 12.118.134.600 đồng với lãi suất cho vay là 4,5%/năm, có định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến ngày 04/12/2025.
Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
Tài sản đảm bảo là số dư Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng phát hành xác nhận quyền tài sản của Bên Cầm cố, cụ thể như sau:
+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 160/2025/7992 ngày 21/03/2025
+ Số tiền: 3.000.000.000 đồng
+ Kỳ hạn gửi: 03 tháng. Phương thức trả lãi: Lãi trả cuối kỳ
+ Ngày gửi: 21/03/2025
+ Ngày đến hạn: 21/06/2025
+Lãi suất: 4,4%/năm

(3) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Quảng Ninh theo hợp đồng tín dụng số 1260824.24 ngày 28/08/2024 với hạn mức cho vay là 150.000.000.000 đồng. Trong kỳ, Công ty đã ký kết khế ước nhận nợ số 1260824.24.02 ngày 26/03/2025 với số tiền vay là 9.312.448.000 đồng với lãi suất cho vay là 4,5%/năm, có định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến 26/08/2025 và khế ước nhận nợ số 1260824.24.03 ngày 20/06/2025 với số tiền vay là 12.118.134.600 đồng với lãi suất cho vay là 4,5%/năm, có định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến 04/12/2025.
Mục đích vay là thanh toán tiền nhập khẩu nhựa đường.
Tài sản bảo đảm gồm:
- Hàng hóa hình thành trong tương lai (là nhựa đường) chỉ bảo đảm cho hạn mức mở LC;
- Sổ tiết kiệm, tiền gửi (có kỳ hạn/không kỳ hạn), hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi do VIB phát hành (chỉ nhận VND/USD) thuộc sở hữu của khách hàng/Bên thứ 3; đảm bảo tín dụng cho 30% số dư tín dụng (tài sản đảm bảo nêu trên bao gồm nhưng không giới hạn các quyền, lợi tức, tiền lãi, các khoản thanh toán mà Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá có thể được phát sinh từ tài sản cầm cố);
- Hàng hóa tồn kho luân chuyển là nhựa đường các loại để tại Kho Tratimex hoặc kho gửi giữ bởi bên thứ 3, giao trách nhiệm cho Bên được cấp tín dụng tự quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	71.727.285.234	840.142.042.917
- Lãi trong năm	-	-	-	53.783.079.207	53.783.079.207
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.904.230.750)	(1.904.230.750)
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(29.955.066.500)	(29.955.066.500)
- Giảm khác	-	-	-	(1.800.000)	(1.800.000)
31/12/2024	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	93.649.267.191	862.064.024.874
01/01/2025	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	93.649.267.191	862.064.024.874
- Lãi trong kỳ	-	-	-	46.465.468.522	46.465.468.522
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(29.955.066.500)	(29.955.066.500)
30/06/2025	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	107.409.669.213	875.824.426.896

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2025, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 để trích lập Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi với số tiền lần lượt là 700.000.000 đồng; 1.350.000.000 đồng và 700.000.000 đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2024, Công ty đã phê duyệt chia cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tổng số tiền là 29.955.066.500 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2025		01/01/2025	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)
Ông Hoàng Văn Quang	78.051.600.000	13,03%	78.051.600.000	13,03%
Ông Nguyễn Văn Thúc	55.000.000.000	9,18%	55.000.000.000	9,18%
Các cổ đông khác	466.049.730.000	77,79%	466.049.730.000	77,79%
	599.101.330.000	100%	599.101.330.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	599.101.330.000	599.101.330.000
- Vốn góp đầu kỳ	599.101.330.000	599.101.330.000
- Vốn tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	599.101.330.000	599.101.330.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.955.066.500	29.955.066.500

d) Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.910.133	59.910.133
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu phổ thông	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu phổ thông	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	168.189.656.117	168.189.656.117

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	30/06/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại (USD)	50.631,72	5.488,29

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	157.068.319.600	153.123.850.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.773.471.937	52.018.483.814
	247.841.791.537	205.142.334.541

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.b.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	142.424.383.932	147.868.144.659
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.957.937.984	28.214.220.167
	181.382.321.916	176.082.364.826

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi	12.874.935.115	6.696.414.956
Cổ tức, lợi nhuận được chia	896.760.000	1.060.605.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	196.102.449	51.178.178
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.478.557	6.393.858
	13.980.276.121	7.814.591.992

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí lãi vay	1.491.954.252	183.678.207
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.550.064.876
- Chi phí tài chính khác	-	37.616.378
	1.491.954.252	1.771.359.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên	153.905.881	60.235.771
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.163.806.047	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	89.142.211	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	145.830.679	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.077.706.963	10.472.164
- Chi phí bằng tiền khác	2.833.224.578	263.888
	12.463.616.359	70.971.823

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.481.591.238	4.060.536.498
Chi phí vật liệu quản lý	377.954.187	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.526.033	305.445.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	431.208.786	411.735.627
Thuế phí, lệ phí	2.905.114.845	2.206.249.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	575.942.435	759.172.496
Chi phí bằng tiền khác	1.212.916.024	1.090.859.057
	10.120.253.548	8.833.998.258

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	4.843.431.665	2.874.165.560
Chi phí nhân công	26.696.840.625	18.106.154.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.049.790.052	1.694.945.399
Chi phí mua ngoài	20.752.122.764	13.473.923.150
Chi phí khác	7.158.160.079	1.410.324.558
	61.500.345.185	37.559.513.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	1.500.000.000	-
Thu nhập khác	69.004.069	11.850.720
	1.569.004.069	11.850.720

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.932.925.652	26.201.588.398
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(595.640.000)	(764.177.355)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(896.760.000)	(1.060.605.000)
- Tiền thưởng từ cơ quan Nhà nước	-	(5.400.000)
- Các khoản chi phí không được trừ	301.120.000	301.827.645
Thu nhập tính thuế	57.337.285.652	25.437.411.043
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.467.457.130	5.087.482.209

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	46.465.468.522	21.114.106.190
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.375.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.465.468.522	19.739.106.190
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	59.910.133	59.910.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	776	329

(i) Tại ngày 30/06/2025, Công ty chưa thực hiện ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ sẽ giảm đi tương ứng.

(ii) Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích vào Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi năm 2024 với số là: 2.750.000.000 đồng. Số liệu trích vào Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi tương ứng với kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được ước tính tương đương 50% số liệu trích vào Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi (xem chi tiết tại Thuyết minh số V.15a).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Lãi suy giảm trên Cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 07/07/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 35/2025/DXP/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập công ty Con - Công ty Cổ phần Vận tải biển Cảng Đoạn Xá, thông tin về Công ty Cổ phần Vận tải biển Cảng Đoạn Xá như sau:

- Địa chỉ Công ty: Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê tàu biển (không kèm thủy thủ đoàn).
- Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng).
- Giá trị vốn góp của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá: 63.000.000.000 đồng (Sáu mươi ba tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 90% vốn điều lệ.
- Thời gian góp vốn dự kiến: Quý III, Quý IV năm 2025.
- Ngày 18/07/2025, Công ty Cổ phần Vận tải biển Cảng Đoạn Xá đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0202300140.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT và cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	Cùng thành viên ban lãnh đạo
Các thành viên Ban lãnh đạo là bên liên quan của Công ty	

b) Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Ông Hoàng Văn Minh	Tổng giám đốc	334.102.079	169.305.000
Ông Lê Mạnh Hoàn	Nguyên Tổng Giám đốc	-	830.327.850
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	413.939.204	566.632.721
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	319.875.122	133.730.000
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc	220.750.000	313.065.000
Nguyễn Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	162.495.800	71.771.276
		1.451.162.205	2.084.831.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)

c) Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ cho Bên liên quan	8.391.877.423	3.639.227.086
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	5.399.931.528	1.161.903.156
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	2.987.669.895	2.476.339.930
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	4.276.000	984.000
Mua dịch vụ từ Bên liên quan	88.562.917.806	368.966.902
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	7.071.941.846	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	77.809.175.274	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	3.681.800.686	368.966.902
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức cho Bên liên quan	5.415.230.375	6.652.610.000
- Ông Hoàng Văn Quang	-	3.902.580.000
- Ông Hoàng Văn Minh	7.355.375	-
- Ông Nguyễn Văn Thức	2.612.500.000	2.750.000.000
- Ông Bùi Tuấn Minh	2.795.375.000	-
- Công ty Cổ phần Tratimex P&L	-	30.000

d) Số dư với các bên liên quan

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đầu tư và Công ty liên doanh, liên kết	447.305.948.664	447.305.948.664
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	400.000.000.000	400.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	47.305.948.664	47.305.948.664
Phải thu khách hàng ngắn hạn là bên liên quan	348.854.365	67.291.254.540
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	90.339.837	951.790.500
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	258.514.528	66.339.464.040
Phải trả người bán là bên liên quan	3.940.659.322	3.054.237.781
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	301.001.154	1.370.930.000
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	3.639.658.168	1.683.307.781

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày

01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét và số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Minh

